

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH THỦY LỢI PHỤC VỤ ĐBSCL Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

ThS. Trần Chí Thành
Ban Giám hiệu

TÓM TẮT

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, nhiều ngành, tổ chức đã tổng kết hoạt động sau 40 năm. Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, qua 40 năm đã đóng góp quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển thủy lợi, nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Bài báo giới thiệu tóm tắt về nhà trường, nêu một số kết quả đào tạo của ngành thủy lợi, đánh giá về số lượng, chất lượng đào tạo, đưa ra nguyên nhân và 5 kiến nghị để tiếp tục phát triển đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thủy lợi ở ĐBSCL.

SUMMARY

On the 40th anniversary of the Liberation of South Vietnam and National reunification occasion, a lot of branches, organizations have summarized the work for 40 years. Southern Agriculture College (SAC) has helped importantly to train the human resources for water resources and agriculture developing in Mekong delta for 40 years. The paper sums up introducing about the college. It shows some training results, appreciates the quantity and quality of training; shows out some reasons and five petitions to continue developing of training of human resources for water resources branche in Mekong delta.

MỞ ĐẦU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là trung tâm lúa gạo của cả nước, theo Viện Lúa từ nay đến năm 2030 toàn vùng ĐBSCL phấn đấu đạt mức sản lượng lúa mỗi năm từ 23-24 triệu tấn, muốn vậy phải ổn định diện tích đất lúa hằng năm từ 4,2-4,3 triệu lượt ha. Để làm được điều đó đòi hỏi sự nỗ lực của nhiều ngành trong đó có thủy lợi.

Sau 30 năm đổi mới, hệ thống thủy lợi vùng ĐBSCL đã góp phần rất quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội, tạo điều kiện để nền sản xuất nông nghiệp có những bước nhảy vọt, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đưa nước ta trở thành nước xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp hàng đầu thế giới; góp phần quan trọng trong phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai. Tuy nhiên, công tác thủy lợi hiện đang bộc lộ những hạn chế, tồn tại và đứng trước những thách thức mới. Hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi còn thấp, cơ chế bao cấp còn phổ biến, chậm chuyển đổi vận hành theo cơ chế thị trường; phòng chống thiên tai còn nặng về giải pháp công trình, đối tượng nông nghiệp còn nặng về cây lúa, chưa chủ động cấp thoát nước theo yêu cầu của nuôi trồng thủy sản, khoa học kỹ thuật trong thủy lợi chậm

đổi mới, chưa ứng dụng công nghệ tiên tiến. [1]

Xuất phát từ thực tế đó, đồng thời để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, năm 2014 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phê duyệt đề án “Tái cơ cấu ngành thủy lợi”.

Chương trình phát triển thủy lợi vùng ĐBSCL đến năm 2050 đã được Chính phủ phê duyệt nhằm góp phần đảm bảo an toàn dân sinh, sản xuất, cơ sở hạ tầng cho khoảng 32 triệu dân (đến năm 2050), trong đó có 20 triệu dân vùng ngập lũ và 12 triệu dân vùng ven biển. Mục tiêu cụ thể của chương trình là chủ động cấp nước, tiêu thoát nước, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn, ổn định cho khoảng 1,8 triệu ha đất lúa vùng ĐBSCL; chủ động nguồn nước, đảm bảo lịch thời vụ và quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; cung cấp nước ngọt, nước mặn ổn định và bền vững cho khoảng 0,7 triệu ha diện tích nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước ngọt trong vùng, qua đó góp phần phục vụ phát triển nông thôn mới, nâng cao mức sống của người dân.

Hiện tại hệ thống thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 5 hồ chứa, 1.221 trạm

bơm từ vừa đến lớn và hàng ngàn trạm bơm nhỏ, 11.138 km kênh trục cấp I, 27.452 km kênh cấp II và 41.600 km kênh cấp III. Toàn vùng có 25.900 km bờ bao chống lũ, 460 km đê biển, 1.600 km đê sông, trên 200 km đê bao giữ nước chống cháy. [2]

Như một tất yếu, sự thành công của một dự án ngoài các vấn đề về tài chính thì nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng. Tham gia quá trình đào tạo nhân lực ngành thủy lợi ở bậc đại học có các trường trong khu vực Nam Bộ như Cơ sở 2 - ĐHTL, Trường Đại học Bách khoa TPHCM, Trường Đại học Cần Thơ. Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ tham gia tích cực và góp phần rất quan trọng trong công tác đào tạo ở trình độ trung cấp trở xuống. Đây là trường duy nhất đóng ở ĐBSCL trực thuộc Bộ, chuyên về đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, vì thế trong bài viết này chúng tôi đề cập đến vấn đề đào tạo nhân lực cho ngành thủy lợi tại trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ.

1. VÀI NÉT VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, đóng tại TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, được Bộ Giáo dục và Đào tạo nâng cấp từ Trường Trung học và Dạy nghề - Nông nghiệp và PTNT Nam Bộ vào Tháng 1/2008. Trường Trung học và Dạy nghề - Nông nghiệp và PTNT Nam Bộ được thành lập tháng 12/1996 trên cơ sở sáp nhập 2 trường: Trung học Nông nghiệp Long Định và Trung học Thủy lợi 3, đều trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong đó trường Trung học Thủy lợi 3, thuộc Bộ Thủy lợi, được thành lập vào ngày 29/06/1976.

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ - Southern Agriculture College (SAC) được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực kinh tế - kỹ thuật cho khu vực Nam Bộ, với 4 ngành bậc cao đẳng (Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y); 6 ngành bậc trung cấp chuyên nghiệp khối nông nghiệp (Thủy lợi tổng hợp; Chăn nuôi-Thú y; Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; Kế toán; Quản lý đất đai và Chế

biến nông sản), một số nghề bậc cao đẳng và trung cấp nghề, sơ cấp nghề (Bảo vệ thực vật; Thú y; Chế biến nông sản..).

Riêng ngành Thủy lợi bậc trung cấp trở xuống cho khu vực Nam Bộ Trường đã đào tạo liên tục 39 năm, từ năm 1976 đến nay, trong đó từ 1976 tới năm 1996 là Trường Trung học Thủy lợi 3 và từ 1997 tới nay chỉ còn là Khoa Thủy lợi.

Về nguồn lực cán bộ giảng dạy ngành Thủy lợi hiện nay của Trường có 10 người, trong đó, PGS-Tiến sĩ: 1; thạc sĩ: 6; kỹ sư: 3. Về trang thiết bị, cơ sở vật chất đào tạo cho ngành và cho cả trường (phòng học, phòng máy tính, thư viện, mạng internet...) tương đối khang trang, hiện đại; riêng đào tạo cho ngành thủy lợi có hai phòng thí nghiệm chuyên dùng (Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng; Phòng thí nghiệm phân tích chất lượng nước) do Dự án Khoa học nông nghiệp trang bị, cùng đầy đủ máy trắc địa, khu thực hành, thí nghiệm thủy lực, khu thực tập, khu ký túc xá phục vụ cho công tác đào tạo.

2. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGÀNH THỦY LỢI CỦA TRƯỜNG

2.1. Về Chương trình đào tạo

Ở Trường Trung học Thủy lợi 3, bậc Trung cấp chuyên nghiệp, từ khóa 1 tới khóa 12 (1977- 1990) Trường đào tạo theo 5 chuyên ngành hẹp, gồm: Thiết kế-Thi công; Thủy nông; Địa chất; Trắc địa; Kế toán-Thống kê. Từ năm 1997, khóa 12 tới khóa 21 (sáp nhập 2 Trường) bắt đầu đào tạo tổng hợp đáp ứng nhu cầu của thực tế, chỉ còn 1 chuyên ngành: Thủy lợi tổng hợp. Từ khi Trường Trung học Dạy nghề - Nông nghiệp và PTNT Nam Bộ thành lập tới nay, vẫn là ngành Thủy lợi tổng hợp.

Ngoài chương trình đào tạo trung cấp chủ lực, Nhà trường còn đào tạo chương trình công nhân quản lý thủy nông dài hạn 1 năm và rất nhiều chương trình đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, như tập huấn công nhân quản lý trạm bơm; công nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi của các công ty, chi cục; tổ chức ôn và thi nâng bậc công nhân; tập huấn công nhân trắc địa v.v.

Ngoài ra, trường còn liên kết với Trường cao đẳng công nghệ kinh tế và thủy lợi Miền Trung, Trường đại học Thủy lợi để đào tạo trình độ cao đẳng và đại học.

Hiện tại, Trường đang làm thủ tục xin mở 2 ngành bậc cao đẳng là công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước và công nghệ Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành công trình thủy, đã được Trường Đại học Thủy lợi thẩm định.

2.2. Về kết quả đào tạo

a) Kết quả đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành kỹ thuật Thủy lợi, hệ chính quy của Trường Trung học Thủy lợi 3 (1976-1999) là 21 khóa với 2.356 sinh viên tốt nghiệp ra trường.

b) Kết quả đào tạo ngành Thủy lợi tổng hợp bậc Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy của Trường Trung học Dạy nghề - Nông nghiệp và PTNT Nam Bộ và Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ từ 1997 đến nay với tổng cộng 1.274 sinh viên đã tốt nghiệp.

c) Kết quả đào tạo ngắn hạn các loại về quản lý khai thác công trình thủy lợi, công nhân khảo sát, sát hạch nâng bậc của Trường 5 năm gần đây, từ 2011 đến 2015 đã có 691 học viên được cấp chứng chỉ.

3. ĐÁNH GIÁ VÀ NHẬN XÉT

3.1. Về số lượng và chất lượng

Về số lượng: Kết quả đào tạo 21 năm của Trường Trung học Thủy lợi 3 với trung bình 112 cán bộ trung cấp kỹ thuật thủy lợi chuyên nghiệp/năm; 18 năm từ khi không còn Bộ Thủy lợi đến nay, trung bình là 71 cán bộ/năm. Nếu chia 18 năm (từ 1997 tới nay) ra 3 giai đoạn 6 năm, thì kết quả đào tạo giảm dần: 567 cho 6 năm đầu, 414 học sinh cho 6 năm giữa và chỉ còn 293 học sinh cho 6 năm cuối. Các kết quả này cho thấy nhu cầu đào tạo cho ngành không lớn. Số lượng đào tạo từ năm 1997 trở đi giảm rõ rệt, ngoài việc các trường được thành lập ở ạt, cũng cho thấy vai trò quản lý nhà nước về ngành có ảnh hưởng khá rõ nét.

Về chất lượng đào tạo: Tuy chưa có những nghiên cứu cụ thể, nhưng số cán bộ thủy lợi đào tạo ra trong thời kỳ 21 khóa đầu của Trường được các cơ sở đánh giá là có chất lượng khá tốt, điều đó đã khẳng định chương

trình đào tạo của Trường là phù hợp. Trong thực tế, rất nhiều học sinh được đào tạo trong giai đoạn này đã trưởng thành, kể cả về thực tế và lý thuyết. Chị Trần Thị Thanh, cựu học sinh Trung cấp khóa 2, ngành Địa chất của Trường sau này là Giáo sư-Tiến sĩ, công tác tại Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam. Anh Huỳnh Tấn Lợi, cựu học sinh khóa 2 Trung cấp của Trường, đang là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Cảnh Dân, cựu học sinh khóa 3, hiện là Phó Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Văn Thiên, cựu học sinh khóa 2, hiện là Giám đốc Công ty Cấp nước Bình Dương. Anh Thái Đức Thông, cựu học sinh trung cấp khóa 3, ngành thủy nông, hiện đang là Chủ tịch huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Rất nhiều anh chị em cựu học sinh của Trường đã phát huy rất tốt chuyên môn học tại trường, học lên đại học và hiện đang làm giám đốc các doanh nghiệp xây dựng thủy lợi, chi cục trưởng, chi cục phó Chi cục Thủy lợi. Tuy nhiên, số cán bộ đào tạo ra sau khi không còn Bộ Thủy lợi, chưa thể hiện rõ sự trưởng thành từ thực tế.

Số lượng đào tạo bậc TCCN ngành Thủy lợi đang có xu thế ngày càng sút giảm, phần nào cho thấy ngành thủy lợi ở ĐBSCL sẽ gặp không ít khó khăn về nhân lực trong thời gian tới.

3.2. Nguyên nhân

- Cũng như khối ngành Nông nghiệp nói chung, ngành kỹ thuật thủy lợi không có sự hấp dẫn, học sinh tốt nghiệp ra trường làm việc trong điều kiện vất vả, khó khăn nên không có nhiều động lực để học sinh vào học.

- Là một ngành mà tốt nghiệp ra trường chủ yếu làm việc cho các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước quản lý, biên chế ngày càng ổn định, có nơi bão hòa, nên nhu cầu không cao. Ở cùng trường nông nghiệp, học sinh các ngành chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, trồng trọt, học sinh ra trường, ngoài làm việc tại các cơ quan doanh nghiệp nhà nước, học sinh còn rất nhiều cơ hội làm việc cho các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài và chính họ có thể tự đứng ra mở các

cơ sở trồng trọt chăn nuôi tư nhân trong cơ chế thị trường.

Qua đó cho thấy chỉ có phát triển ngành theo hướng cơ chế thị trường, mới có thể có những bước đột phá. Ngành Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có chủ trương phân cấp mạnh mẽ trong quản lý khai thác các công trình thủy lợi, như Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có, ban hành kèm theo Quyết định số 784/QĐ-BNN-TCTL, ngày 21/4/2014. Tuy nhiên, để thực hiện được chủ trương này, cũng như đẩy mạnh xã hội hóa công tác thủy lợi không phải một sớm một chiều, mà còn cần rất nhiều thời gian.

- Tình hình sử dụng cán bộ quản lý khai thác các công trình thủy lợi hiện nay trên thực tế rất phức tạp, tùy tiện, chưa theo cụ thể một mô hình thống nhất nào, mỗi địa phương một kiểu, chưa theo một tiêu chuẩn nhất định. Mặc dù, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/5/2011, quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi, nhưng trong thực tế không phải đơn vị nào cũng thực hiện nghiêm chỉnh Thông tư này, vì họ chịu nhiều áp lực khác nhau. Xin nêu một ví dụ ở Trường chúng tôi, năm 2000, Pháp lệnh về Bảo vệ thực vật quy định người bán vật tư nông nghiệp, bao gồm phân bón, thuốc trừ sâu, phải có bằng Trung cấp chuyên nghiệp, ngành Bảo vệ thực vật, và kèm theo là nhu cầu học lấy bằng Trung cấp Bảo vệ thực vật hệ tại chức gia tăng đột biến, và đến năm 2008, Pháp lệnh sửa đổi, bổ quy định này, thì nhu cầu đào tạo lại trở về bình thường (Bảng 1)

Bảng 1. Số lượng học sinh học Trung cấp chuyên nghiệp ngành Bảo vệ thực vật, hệ tại chức từ 1999 đến 2008

Năm	1999	2000	2001	2002	2003
HS	65	269	603	756	669
Năm	2004	2005	2006	2007	2008
HS	469	401	355	204	64

Điều này cho thấy có mối quan hệ chặt chẽ giữa tiêu chuẩn hóa sử dụng cán bộ, tức là quản lý nhà nước, và nhu cầu đào tạo thực

tế. Ngay cả khi đã ban hành tiêu chuẩn, như Thông tư 40 nói trên, nhưng việc thanh tra, kiểm tra, xử lý không nghiêm minh thì các đơn vị sử dụng lao động cũng sẽ lơ là trong việc cử nhân viên đi học, thực hiện chuẩn hóa sử dụng lao động kỹ thuật. Và tất nhiên, hiệu quả hoạt động của các công trình đầu tư lớn sẽ rất hạn chế do quản lý khai thác không đạt chuẩn, không đúng quy định.

- Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đào tạo của ngành Thủy lợi: Từ khi Bộ Thủy lợi không còn, việc quản lý đào tạo của các trường do Phòng Quản lý đào tạo, thuộc Vụ Tổ chức cán bộ quản lý. Do Bộ Nông nghiệp và PTNT quá lớn, bao gồm rất nhiều lĩnh vực đào tạo, số chuyên viên quản lý đào tạo hạn chế, không thể với tới quản lý sâu hơn về nội dung chuyên môn ngành đào tạo, các trường phải tự vận động, ngoại trừ có một dự án đầu tư nào đó cho kinh phí tổ chức xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo. Trước đây, Vụ Tổ chức của Bộ Thủy lợi chỉ đạo 3 trường Trung cấp kỹ thuật của 3 miền hội thảo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo thống nhất trong ngành. Việc liên thông chương trình đào tạo giữa các bậc học cũng được quan tâm xem xét. Đặc biệt Bộ còn chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành phối hợp giữa sản xuất, nghiên cứu và đào tạo tương đối nhịp nhàng, làm cho mối quan hệ giữa các trường với các sở, các công ty khá chặt chẽ, như trong một nhà. Hiện nay, mối quan hệ này trở nên rất mờ nhạt, vai trò của Tổng cục Thủy lợi với công tác đào tạo của ngành là chưa rõ.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực tế đào tạo nguồn nhân lực ngành thủy lợi bậc Trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo ngắn hạn ở Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ cho thấy nhu cầu về số lượng là không nhiều và khá ổn định, nếu ngành vẫn hoạt động theo các cơ chế hiện hành. Việc mở rộng quy mô đào tạo ngành thủy lợi, nhất là các trường ở địa phương là không phù hợp. Nên chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, nhằm tới đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng đào tạo đáp ứng hội nhập sâu rộng vào khu vực Asean theo lộ trình chung của cả nước. Việc đẩy nhanh quá trình phân cấp quản lý khai thác các công trình thủy lợi,

tiến tới xã hội hóa ngành thủy lợi, bỏ cơ chế quản lý do nhà nước chi ngân sách, thực hiện quản lý khai thác các công trình thủy lợi có sự tham gia của người dân (PIM) sẽ là một xu thế đúng đắn, sẽ là bước phát triển đột phá, sẽ xuất hiện nhu cầu đào tạo tăng và ổn định hơn. Việc thực hiện chuẩn hóa cán bộ, công nhân quản lý khai thác các công trình thủy lợi có liên quan chặt chẽ tới nhu cầu đào tạo ổn định, tạo ra một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực chuyên môn đáp ứng các mô hình quản lý mới, hiệu quả cao hơn. Việc chỉ đạo công tác đào tạo ngành còn chưa rõ nét, cần có một chủ trương thống nhất hơn về mối quan hệ giữa các cơ quan đào tạo, cơ quan nghiên cứu, cơ quan sản xuất và cơ quan quản lý nhà nước trong ngành thủy lợi.

Kiến nghị:

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có, ban hành kèm theo Quyết định số 784/QĐ-BNN-TCTL, ngày 21/4/2014, và mạnh dạn áp dụng xã hội hóa công tác quản lý khai thác các công trình thủy lợi ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Các sở Nông nghiệp và PTNT trong khu vực cần chỉ đạo thực hiện kiên quyết Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/5/2011, quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi, thực hiện tiêu chuẩn hóa đội ngũ làm công tác thủy lợi trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Bộ Nông nghiệp và PTNT cần có kế hoạch để phát triển nhân lực cho ngành thủy lợi ở khu vực ĐBSCL, xây dựng chương trình đào tạo thuận tiện cho liên thông từ sơ cấp lên tới bậc sau đại học, phù hợp với đặc thù riêng của vùng ĐBSCL, tạo điều kiện cho việc mở các lớp đào tạo theo nhu cầu

của các sở, các địa phương. Các sở Nông nghiệp và PTNT khu vực cần tích cực, chủ động tham gia vào quá trình đào tạo của ngành nhằm có đội ngũ nhân lực phù hợp.

3. Bộ Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu thực tế để đề xuất cơ chế ưu tiên, hỗ trợ cho việc đào tạo nhân lực ngành thủy lợi ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm thu hút người học và nhân tài cho ngành.

4. Tạo điều kiện để giảng viên ngành thủy lợi của Trường có thể tiếp cận thực tế nhiều hơn bằng việc được tham gia công tác tư vấn thiết kế, giám sát thi công, nghiên cứu khoa học... qua đó vừa góp phần nâng cao kiến thức, tay nghề vừa tạo điều kiện để giữ được giảng viên trong những thời gian đào tạo giảm sút về số lượng.

5. Hội Thủy lợi tiếp tục quan tâm đến công tác đào tạo trong ngành, có tiếng nói với các cơ quan quản lý nhà nước để ngành có sự phát triển thống nhất, đồng bộ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực tế sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Tài liệu Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp cùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tháp ngày 11/07/2015.

[2] Quy hoạch 9 dự án phát triển thủy lợi tại Đồng bằng sông Cửu Long

(<http://www.vietnamplus.vn/quy-hoach-9-du-an-phat-trien-thuy-loi-tai-dong-bang-song-cuu-long/308097.vnp>)

[3] Số liệu thống kê của Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ.

- **Người phản biện:** PGS.TS.NGŨT. Dương Văn Viên

- **Ngày duyệt đăng:** 27/10/2015